

**BẢN SAO**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC NINH**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**PHỤ LỤC**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
	1
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 24
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên cấp thoát nước Bắc Ninh (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

#### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc Công ty điều hành Công ty tại ngày 31/12/2013 gồm:

##### **Hội đồng thành viên**

Ông Đinh Quang Hiệp

Chủ tịch Công ty

##### **Ban Giám đốc**

Ông Vũ Hữu Tân

Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Tôn

Kế toán trưởng

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Hữu Tân

Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2014

**Văn phòng Hà Nội :**

P. 1401, Tòa nhà 17T5, Trung Hòa - Nhân Chính, Hà Nội

Tel: (84 4) 6 2811 488

Fax: (84 4) 6 2811 499

E-mail: [contact@krestonaca.vn](mailto:contact@krestonaca.vn)[www.krestonaca.vn](http://www.krestonaca.vn)

Số: 100/BCKT 2014 – Kreston ACA

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: **Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc**  
**Công ty TNHH Một thành viên cấp thoát nước Bắc Ninh**

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài hợp nhất chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên cấp thoát nước Bắc Ninh (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25/3/2014, từ trang 04 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Do được bổ nhiệm kiểm toán sau ngày kết thúc niên độ kế toán, nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm 31/12/2013. Với tài liệu hiện có tại Công ty chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế. Vì vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và giá trị của các khoản mục nêu trên cũng như ảnh hưởng của các khoản mục này đến các chỉ tiêu khác được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Theo Báo cáo kiểm toán của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận từng phần với phần cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ là Kiểm toán viên không thể chứng kiến việc kiểm kê thực tế tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm 31/12/2012. Các khoản mục và chỉ tiêu trên có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2012 của đơn vị, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh đối với chỉ tiêu lợi nhuận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và số dư lợi nhuận chưa phân phối trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm 2012 hay không. Do đó, chúng tôi đã không thể đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012. Chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, do ảnh hưởng có thể có của vấn đề trên đối với tính có thể so sánh của dữ liệu tương ứng với dữ liệu kỳ hiện tại.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.11 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty con đang tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế khi chưa có Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Chu Quang Tùng  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1022-2013-089-1

Nguyễn Hoàng Dũng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1106-2013-089-1

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN KRESTON ACA VIỆT NAM**  
Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2014

11/21/14  
01/03/14  
11/21/14

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC NINH**

Số 57 Ngô Gia Tự, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày

31 tháng 12 năm 2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>131.216.259.673</b>	<b>138.907.871.891</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	15.319.921.816	18.468.958.911
111	Tiền		6.019.921.816	10.978.958.911
112	Các khoản tương đương tiền		9.300.000.000	7.490.000.000
130	Phải thu ngắn hạn		36.498.999.278	40.671.355.195
131	Phải thu khách hàng		21.377.493.559	18.582.568.632
132	Trả trước cho người bán		5.906.960.547	13.894.262.197
133	Phải thu nội bộ ngắn hạn	V.2	8.760.687.264	7.607.740.739
135	Các khoản phải thu khác		453.857.908	586.783.627
140	Hàng tồn kho		71.538.487.100	71.439.237.739
141	Hàng tồn kho	V.3	71.538.487.100	71.439.237.739
150	Tài sản ngắn hạn khác		7.858.851.479	8.328.320.046
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	V.4	627.334.528	701.660.311
152	Thuế GTGT được khấu trừ		912.845.013	-
154	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	V.5	178.975.500	685.868.514
158	Tài sản ngắn hạn khác	V.6	6.139.696.438	6.940.791.221
200	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>176.013.387.459</b>	<b>116.480.265.204</b>
220	Tài sản cố định		174.297.532.230	114.666.554.704
221	Tài sản cố định hữu hình	V.7	163.682.584.554	101.148.717.548
222	Nguyên giá		213.873.822.363	142.792.077.790
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(50.191.237.809)	(41.643.360.242)
227	Tài sản cố định vô hình	V.8	1.098.200.859	-
228	Nguyên giá		1.208.020.945	45.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(109.820.086)	(45.000.000)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.9	9.516.746.817	13.517.837.156
260	Tài sản dài hạn khác		1.715.855.229	1.813.710.500
261	Chi phí trả trước dài hạn	V.10	1.715.855.229	1.813.710.500
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>307.229.647.132</b>	<b>255.388.137.095</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>159.680.666.597</b>	<b>120.342.929.309</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>110.350.434.059</b>	<b>117.746.952.309</b>
312	Phải trả người bán		20.879.294.070	31.217.649.938
313	Người mua trả tiền trước		22.221.635.406	35.279.689.332
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.11	4.923.571.554	4.381.140.864
315	Phải trả công nhân viên		6.197.191.989	3.956.699.133
316	Chi phí phải trả		98.042.022	-
317	Phải trả nội bộ		5.264.163.353	5.012.061.040
319	Các khoản phải trả, phải nộp khác	V.12	48.936.279.235	37.439.216.595
323	Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.830.256.430	460.495.407
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>49.330.232.538</b>	<b>2.595.977.000</b>
333	Phải trả dài hạn khác	V.13	2.095.026.338	-
334	Vay và nợ dài hạn	V.14	47.235.206.200	2.595.977.000
<b>400</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>		<b>142.755.158.467</b>	<b>130.540.205.478</b>
<b>410</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	V.15	<b>142.755.158.467</b>	<b>130.540.205.478</b>
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		138.756.666.647	123.708.560.579
417	Quỹ đầu tư phát triển		2.927.714.329	4.837.511.841
418	Quỹ Dự phòng tài chính		173.957.316	1.438.186.546
420	Lợi nhuận chưa phân phối		896.820.175	555.946.512
<b>439</b>	<b>LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	V.16	<b>4.793.822.068</b>	<b>4.505.002.308</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>307.229.647.132</b>	<b>255.388.137.095</b>



Vũ Hữu Tân  
Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Đình Tôn  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 02-DN/HN**  
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	V.1	108.468.056.670	97.302.365.507
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		108.468.056.670	97.302.365.507
11	Giá vốn hàng bán	V.2	95.677.998.050	89.949.662.329
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		12.790.058.620	7.352.703.178
21	Doanh thu hoạt động tài chính	V.3	835.189.597	2.128.927.874
22	Chi phí tài chính	V.4	741.573.184	452.560.560
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		741.573.184	452.560.560
24	Chi phí bán hàng			
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp		7.487.343.848	6.996.687.008
26	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.396.331.185	2.032.383.489
31	Thu nhập khác	V.5	81.827.408	3.679.246.094
32	Chi phí khác	V.6	-	2.460.688.623
40	Lợi nhuận khác		81.827.408	1.218.557.471
60	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.478.158.593	3.250.940.960
61	Chi phí thuế TNDN hiện hành	V.7	1.356.709.048	568.914.668
70	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.121.449.545	2.682.026.291
	Trong đó:			
	Lợi nhuận FTVINA (*)		535.026.339	-
	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		2.777.823.549	2.222.047.424
	Lợi ích cổ đông thiểu số		808.599.657	459.978.867

(\*) Phân phối lợi nhuận căn cứ Hợp đồng hợp tác kinh doanh Số 01/2013/HĐ-HTKD ngày 28/05/2013 giữa Công ty CP cấp nước FTVINA và Công ty CP đầu tư và xây dựng hạ tầng kỹ thuật Bắc Ninh; V/v Hợp tác đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước và quản lý vận hành cấp nước cho Công ty TNHH FLEXCOM Việt Nam tại cụm công nghiệp đa nghề Đông Thọ, huyện Yên Phong và các đơn vị khác và Phụ lục hợp đồng kinh tế Số 01/2013/PLHĐ-HTKD ngày 01/8/2013.



Vũ Hữu Tân  
Giám đốc

Nguyễn Đình Tôn  
Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 3 năm 2014



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**  
 Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
	Lợi nhuận trước thuế	<b>5.478.158.593</b>	<b>3.250.940.960</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao TSCĐ	9.698.011.924	7.115.990.429
05	Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	(835.189.597)	(2.128.927.874)
06	Chi phí lãi vay	741.573.184	452.560.560
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn	<b>15.082.554.104</b>	<b>8.690.564.075</b>
09	Tăng giảm các khoản phải thu	16.547.319.736	(1.625.754.423)
10	Tăng giảm hàng tồn kho	(99.249.361)	(5.704.480.141)
11	Tăng giảm các khoản phải trả	(10.742.528.995)	15.531.875.441
12	Tăng giảm chi phí trả trước	172.181.054	565.938.886
13	Tiền lãi vay đã trả	(741.573.184)	(452.560.560)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.204.784.950)	(100.860.928)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	47.211.841	270.038.325
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1.324.819.277)	(1.064.452.195)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	<b>17.736.310.968</b>	<b>16.110.308.479</b>
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản	(68.355.041.671)	(8.874.793.566)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	835.189.597	2.128.927.874
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	<b>(67.519.852.074)</b>	<b>(6.745.865.692)</b>
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	11.151.561.721	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	46.197.994.200	4.935.796.637
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.558.765.000)	(5.135.796.637)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(209.945.493)	(218.101.370)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	<b>55.580.845.428</b>	<b>(418.101.370)</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	<b>5.797.304.322</b>	<b>8.946.341.417</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	<b>9.522.617.494</b>	<b>9.522.617.494</b>
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	<b>15.319.921.816</b>	<b>18.468.958.911</b>



Vũ Hữu Tân  
 Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2014

  
 Nguyễn Đình Tôn  
 Kế toán trưởng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1. Công ty Mẹ**

Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bắc Ninh ("Công ty") là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty Cấp thoát nước Bắc Ninh theo quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 11/12/2006 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bắc Ninh.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 21.04.000013 ngày 29 tháng 12 năm 2006.

Tại 31/12/2010, tổng vốn Điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 107.184.000.000 đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn chưa hoàn thiện xong các thủ tục để thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh theo vốn Điều lệ mới.

Hoạt động chính của Công ty là:

Sản xuất và kinh doanh nước sạch; Xây dựng các công trình cấp thoát nước; Xây lắp hệ thống điện cao thế đến 35KV; Xây dựng nhà dân dụng và Công nghiệp; Xây dựng các công trình hạ tầng đô thị; Xây dựng kênh mương, trạm bơm, trạm giao thông nông thôn; Xây dựng đường nông thôn nội tỉnh; Kinh doanh vật tư thiết bị ngành cấp thoát nước; Kinh doanh bất động sản; Quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị và khu công nghiệp.

Số lượng cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 353 người (năm 2012 là 341 người).

**2. Công ty con**

*Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Bắc Ninh*

\* Địa chỉ: Đường Nguyễn Đăng Đạo, Khu Y Na, Phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.

\* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2013: 64%

\* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2013: 64%

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**2. Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; và được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính.

Công ty đã thực hiện các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

#### 3. Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 25/04/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 ("Thông tư 203"). Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/06/2013 và được áp dụng từ năm tài chính 2013. Theo quy định tại Thông tư 45, nguyên giá tài sản phải có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên mới được coi là tài sản cố định, thay vì 10.000.000 VND trở lên như quy định tại Thông tư 203. Trong năm, Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư 45. Theo đó, đối với các tài sản cố định Công ty đang theo dõi và quản lý theo Thông tư 203, nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Thông tư 45, thì giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày 10/06/2013.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### 2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trong đó:



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

### *Nợ phải thu quá hạn thanh toán:*

### Mức trích lập dự phòng

Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị

### *Nợ phải thu khác:*

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên mức tổn thất dự kiến không thu hồi được. Số tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bảng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

#### *Nguyên giá*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định đem trao đổi.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu tặng, được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu hoặc giá trị danh nghĩa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

**Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 15
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 30
Tài sản cố định khác (Đường ống nước)	5 - 10

**5. Tài sản cố định vô hình**

Mọi chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thoả mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau mà không hình thành tài sản cố định hữu hình thì được coi là tài sản cố định vô hình: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên giá**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành trong quá trình sáp nhập doanh nghiệp có tính chất mua lại là giá trị hợp lý của tài sản đó vào ngày mua.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn khi được giao đất hoặc số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình được Nhà nước cấp hoặc được tặng, biếu, được xác định theo giá trị hợp lý ban đầu cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng theo dự tính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định vô hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định vô hình nhận về hoặc bằng với giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định vô hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đem trao đổi.

Toàn bộ chi phí nghiên cứu được ghi nhận vào chi phí phát sinh trong kỳ. Chi phí triển khai cho từng dự án chỉ được ghi nhận là tài sản cố định vô hình nếu Công ty đồng thời thỏa mãn được các điều kiện sau: (i) Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản vô hình vào sử dụng theo dự tính hoặc để bán; (ii) Công ty dự định hoàn thành tài sản vô hình để sử dụng hoặc để bán; (iii) Công ty có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản vô hình đó; (iv) Tài sản vô hình đó phải tạo ra được lợi ích kinh tế trong tương lai; (v) Công ty có đầy đủ các nguồn lực về kỹ thuật, tài chính và các nguồn lực khác để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản vô hình đó; (vi) Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản vô hình đó; và (vii) Ước tính có đủ tiêu chuẩn về thời gian sử dụng và giá trị theo quy định cho Tài sản cố định vô hình.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HH

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau thì được tính vào nguyên giá tài sản cố định vô hình: (i) Chi phí này có khả năng làm cho tài sản cố định vô hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu; (ii) Chi phí được đánh giá một cách chắc chắn và gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể.

### **Khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	11
Phần mềm máy tính	05

## 6. Các khoản đầu tư tài chính

### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính là XX năm (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên Bảng Cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

## 7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty.

## 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

### 9. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 10. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

### 11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### 12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

#### *Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

### 13. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

### 14. Thuế

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### *Thuế khác*

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

(Đơn vị tính: VND)

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Tiền mặt	2.226.469.581	2.925.920.349
Tiền gửi ngân hàng	1.405.065.235	8.053.038.562
Tiền đang chuyển	2.388.387.000	-
Các khoản tương đương tiền	9.300.000.000	7.490.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>15.319.921.816</u></b>	<b><u>18.468.958.911</u></b>

**2. Phải thu nội bộ ngắn hạn**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Ban quản lý dự án Nhà máy nước Gia Bình và các Ban quản lý dự án khác ứng vốn của Công ty để thực hiện.	8.760.687.264	7.607.740.739
<b>Cộng</b>	<b><u>8.760.687.264</u></b>	<b><u>7.607.740.739</u></b>

**3. Hàng tồn kho**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	6.742.965.695	7.802.780.618
Công cụ, dụng cụ	211.316.147	238.370.580
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	64.501.238.781	63.319.623.824
Thành phẩm	4.503.760	-
Hàng hóa	78.462.717	78.462.717
<b>Cộng</b>	<b><u>71.538.487.100</u></b>	<b><u>71.439.237.739</u></b>

**4. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	627.334.528	701.660.311
<b>Cộng</b>	<b><u>627.334.528</u></b>	<b><u>701.660.311</u></b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng Công ty con nộp thừa	178.975.500	685.868.514
<b>Cộng</b>	<b>178.975.500</b>	<b>685.868.514</b>

6. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
<i>Tạm ứng</i>		
Lưu Tuấn Cường	2.109.002.960	4.547.502.960
Trần Văn Tiến	1.902.005.837	-
Xí nghiệp thoát nước	819.003.440	-
Ban quản lý nhà máy nước mặt Bắc Ninh	249.452.000	-
Các khoản tạm ứng khác	223.796.500	1.325.048.261
Nguyễn Thị Kim Liên	142.000.000	143.000.000
Vũ Đình Cường	30.000.000	430.000.000
Nguyễn Văn Cường	626.499.000	200.000.000
Nguyễn Thiết Đến	33.604.860	-
Cầm cố, kỹ quỹ kỹ cược	4.331.841	295.240.000
<b>Cộng</b>	<b>6.139.696.438</b>	<b>6.940.791.221</b>

1/21 = 100% = 0,021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác (Đường ống nước)	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	26.708.020.523	5.586.343.699	57.663.147.590	757.442.585	52.077.123.393	142.792.077.790
Mua trong năm	33.612.459.983	-	-	541.885.348	10.865.545.198	45.009.890.529
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	1.939.788.084	25.406.453.397	-	-	27.346.241.481
Chuyển sang CCDC	(181.819.972)	(376.996.254)	(208.001.498)	(451.625.060)	(55.944.653)	(1.274.387.437)
Số dư cuối năm	60.138.660.534	7.149.135.529	82.861.599.489	847.702.873	62.876.723.938	213.873.822.363
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	92.760.001	116.097.770	100.093.498	314.420.655	55.944.653	679.316.577
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	7.802.733.580	3.453.834.981	15.578.937.499	568.734.871	14.239.119.311	41.643.360.242
Khấu hao trong năm	1.991.103.706	859.933.919	3.153.198.102	107.629.656	3.476.326.455	9.588.191.838
Chuyển sang CCDC	(147.445.027)	(272.964.393)	(138.856.473)	(425.103.725)	(55.944.653)	(1.040.314.271)
Số dư cuối năm	9.646.392.259	4.040.804.507	18.593.279.128	251.260.802	17.659.501.113	50.191.237.809
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	18.905.286.943	2.132.508.718	42.084.210.091	188.707.714	37.838.004.082	101.148.717.548
Tại ngày cuối năm	50.492.268.275	3.108.331.022	64.268.320.361	586.442.071	45.217.222.825	163.682.584.554

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

8. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	-	45.000.000	45.000.000
Mua trong năm	1.208.020.945	-	1.208.020.945
Thanh lý, nhượng bán	-	(45.000.000)	(45.000.000)
Số dư cuối năm	1.208.020.945	-	1.208.020.945
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	-	45.000.000	45.000.000
Khấu hao trong năm	109.820.086	-	109.820.086
Thanh lý, nhượng bán	-	(45.000.000)	(45.000.000)
Số dư cuối năm	109.820.086	-	109.820.086
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối năm	1.098.200.859	-	1.098.200.859

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Dự án cấp nước Chờ	240.259.885	193.667.158
Công trình: Nhà điều hành công ty	-	1.216.063.549
Công trình: Mạng cấp 3 thôn Đình Cả	-	259.892.004
Công trình: Hồ lắng Thừa	-	1.384.899.337
Công trình: Tuyến ống PP Hoà Long	24.568.182	24.568.182
Công trình: Tuyến ống PP Kim Chân	35.922.727	35.922.727
Công trình: CP XD nhà máy nước mặt BN	507.045.948	507.045.948
Công trình: Cải tạo giếng G15-16-17-19	-	1.192.990.970
Đường ống HDPE D63 Xóm Núi - Thị Cầu	-	-
Công trình: Nâng cấp NM nước Lim	-	-
Nâng cấp NMN và Tuyến ống Quế Võ - BN	-	34.994.545
Công trình: LD tuyến Ninh Xá	23.498.401	23.498.401
Tuyến ống Lim về Bắc ninh	-	618.928.583
ĐT Tuyến Tân lãg Lương Tài	-	37.881.000
ĐT Tuyến Trinh Khê Lương Tài	-	241.742.364
ĐT xây dựng giếng G2-G9	-	959.515.604
Xây dựng Giếng G13 Lim	-	201.397.868
XD nhà máy nước thải	-	4.323.612
Tuyến phân phối Huyện Quang Nguyễn Trãi	16.190.909	16.190.909
CN TL 279 Quế võ	222.330.057	121.023.286
Công trình nhà máy nước TP Bắc Ninh	6.259.777.109	6.259.777.109
Công trình Khu nhà ở Vạn An	183.514.000	183.514.000
Tuyến ống đồng hương Lương tài	30.848.849	-
Hệ thống cấp nước mùa hè	1.691.783.938	-
Cụm thất thoát DMA	178.435.212	-
Dây chuyền Vôi Quế võ	42.069.234	-
Dịch chuyển nước thô + nước sạch Quế võ	60.502.366	-
<b>Cộng</b>	<b>9.516.746.817</b>	<b>13.517.837.156</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ nhà máy nước Lim	136.875.000	260.829.240
Công cụ dụng cụ phục vụ xây lắp	854.049.075	842.689.798
Công cụ, dụng cụ	724.931.154	710.191.462
<b>Cộng</b>	<b><u>1.715.855.229</u></b>	<b><u>1.813.710.500</u></b>

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng	164.912.823	1.153.164.775
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.226.770.982	1.074.846.884
Thuế thu nhập cá nhân	7.535.505	7.772.828
Thuế tài nguyên	72.094.800	44.964.045
Phí thoát nước phải nộp	3.452.257.444	2.100.392.332
<b>Cộng</b>	<b><u>4.923.571.554</u></b>	<b><u>4.381.140.864</u></b>

**12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	2.232.705	55.187.834
Bảo hiểm xã hội	60.623.441	-
Lưu Văn Sáng (Đội 1)	569.456.121	660.023.286
Nguyễn Văn Tiến (Đội 3)	15.115.385.184	8.054.510.755
Nguyễn Văn Nhượng (Đội 4)	2.349.299.343	2.792.983.381
Lưu Tuấn Cường	12.862.887.803	6.650.154.146
Ông Nguyễn Văn Hòa và Lưu Văn Độ (Đội 6)	5.288.666.743	8.351.393.986
Ngô Bình Minh (Đội 7)	1.000.996.314	1.069.009.663
Lưu Văn Bắc (Đội 8)	1.460.905	6.406.714.723
Nguyễn Việt Cường	6.613.183.897	1.045.943.061
Vũ Đức Độ	3.045.200.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.026.886.779	2.353.295.760
<b>Cộng</b>	<b><u>48.936.279.235</u></b>	<b><u>37.439.216.595</u></b>

MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC BẮC NINH

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

**13. Phải trả dài hạn khác**

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty CP Cấp nước FTVINA (*)	2.095.026.338	-
<b>Cộng</b>	<b>2.095.026.338</b>	<b>-</b>

(\*) Công ty CP cấp nước FTVINA góp vốn đầu tư cùng với Công ty Con theo Hợp đồng kinh tế số 01/2013/HĐ-HTKD ngày 28/05/2013 và phụ lục Hợp đồng kinh tế số 01/2013/PLHĐ-HTKD ngày 01/08/2013 đã được ký giữa Công ty CP cấp nước FTVINA và Công ty về việc đầu tư xây dựng dự án: Hợp tác đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước và quản lý vận hành cấp nước cho Công ty TNHH FLEXCOM Việt Nam. Hình thức đầu tư góp vốn theo tỷ lệ: Công ty CP cấp nước FTVINA góp 70%; Công ty góp 30%. Phân chia vốn khấu hao và lợi nhuận sau thuế TNDN theo tỷ lệ góp vốn. Số dư cuối kỳ là số vốn đã góp đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước FTVINA.

**14. Vay và nợ dài hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Vay Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam theo hiệp định của Bộ Tài chính	47.235.206.200	2.595.977.000
<b>Cộng</b>	<b>47.235.206.200</b>	<b>2.595.977.000</b>

**14.1. Chi tiết các khoản vay**

Đối tượng	Số dư cuối năm	Hạn mức	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Vay Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam theo hiệp định của Bộ Tài chính Công ty vay dài hạn đầu tư dự án cấp nước thí điểm thị trấn Lim - Bắc Ninh* theo hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính và Công ty ngày 06/04/2008.	47.235.206.200	68.760.070.000	20 năm	không quá 6%/năm	Tin chấp
<b>Cộng</b>	<b>47.235.206.200</b>				

Số dư cuối năm 2013

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>NĂM TRƯỚC</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	120.795.560.579	3.548.091.388	1.220.239.774	507.001.602	126.070.893.343
Tăng do phân phối lợi nhuận	2.913.000.000	1.289.420.453	2.217.946.772	-	4.420.367.225
Lãi trong năm	-	-	-	2.222.047.424	2.222.047.424
Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	(218.101.370)	(218.101.370)
Giảm phân phối quỹ	-	-	-	(1.955.001.144)	(1.955.001.144)
<b>Số dư cuối năm</b>	123.708.560.579,0	4.837.511.841	1.438.186.546	555.946.512	130.540.205.478
<b>NĂM NAY</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	123.708.560.579	4.837.511.841	1.438.186.546	555.946.512	130.540.205.478
Tặng vốn (*)	15.048.106.068	-	-	-	15.048.106.068
Tặng do phân phối lợi nhuận	-	920.821.460	169.726.515	-	1.090.547.975
Tặng điều chuyển từ Quỹ dự phòng TC	-	1.336.104.754	-	-	1.336.104.754
Lãi trong năm	-	-	-	4.121.449.545	4.121.449.545
Chia cổ tức	-	-	-	(209.945.493)	(209.945.493)
Giảm phân phối quỹ (**)	-	-	-	(2.227.004.393)	(2.227.004.393)
Chia cổ tức cho FTVINA	-	-	-	(535.026.339)	(535.026.339)
Điều chuyển các quỹ	-	(3.896.544.347)	(1.336.104.754)	-	(5.232.649.101)
Lợi ích có đóng thiếu số	-	(270.179.379)	(97.850.991)	(808.599.657)	(1.176.630.027)
<b>Số dư cuối năm</b>	138.756.666.647	2.927.714.329	173.957.316	896.820.175	142.755.158.467

(\*) Trong năm 2013 Chủ sở hữu góp vốn bằng tiền mặt để đầu tư Tuyến ống truyền tải từ Quê Võ lên Bắc Ninh và Mở rộng nâng cấp nhà máy nước Lim với tổng giá trị 11.151.561.721 đồng. Đồng thời tăng vốn từ Quỹ đầu tư phát triển là 3.896.544.347 đồng.

(\*\*) Công ty Mẹ đang tiến hành phân phối lợi nhuận ở Công ty con vào Quý chẵn tài chính, căn cứ vào Quyết định 71/2013/ND-CP Ngày 11 tháng 7 năm 2013 và Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 về "Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ". Theo đó phân phối 30% lợi nhuận vào Quỹ đầu tư phát triển, đồng thời kết chuyển toàn bộ số dư của Quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ đầu tư phát triển để sử dụng bổ sung Vốn điều lệ. Căn cứ vào Điều lệ của Công ty con, Công ty con đang tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

16. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Cuối năm	Đầu năm
Nguồn vốn kinh doanh	3.960.000.000	3.960.000.000
Quý đầu tư phát triển	270.179.380	213.531.037
Quý dự phòng tài chính	97.850.990	57.421.008
Lợi nhuận chưa phân phối	465.791.698	274.050.263
<b>Cộng</b>	<b>4.793.822.068</b>	<b>4.505.002.308</b>

Ghi chú: Lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định tương ứng với tỷ lệ vốn thực góp của các cổ đông tại thời điểm ngày 31/12/2013.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Đơn vị tính: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu xây lắp	44.906.275.746 ✓	43.134.091.785 ✓
Doanh thu bán hàng	50.894.117.702 ✓	45.040.788.158 ✓
Doanh thu dịch vụ	12.667.663.222 ✓	9.127.485.564 ✓
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>108.468.056.670 ✓</b>	<b>97.302.365.507 ✓</b>

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn xây lắp	42.443.176.805 2463	41.279.030.266 ✓ 1555
Giá vốn bán hàng	42.177.992.425 520K	39.640.667.531 5600
Giá vốn của dịch vụ thoát nước	11.056.828.820 16-11	9.029.964.532 98
<b>Cộng</b>	<b>95.677.998.050 11-301</b>	<b>89.949.662.329 20-53</b>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	835.189.597	2.128.927.874
<b>Cộng</b>	<b>835.189.597</b>	<b>2.128.927.874</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay	741.573.184	452.560.560
<b>Cộng</b>	<b>741.573.184</b>	<b>452.560.560</b>

**5. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vật tư xuất bán	81.827.408	2.450.507.614
Nguyên vật liệu	-	18.130.000
Quỹ trợ cấp mất việc làm	-	1.210.608.480
<b>Cộng</b>	<b>81.827.408</b>	<b>3.679.246.094</b>

**6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**6.1. Thuế suất**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 25 % lợi nhuận chịu thuế.

**6.2. Chi phí thuế thu nhập hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận trước thuế	5.478.158.593	3.250.940.960
Điều chỉnh tăng	-	-
Điều chỉnh giảm	171.074.664	-
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế năm 2012 theo BB KTNN	171.074.664	-
<b>Lợi nhuận trước thuế trước điều chỉnh lỗ năm trước</b>	<b>5.307.083.929</b>	<b>3.250.940.960</b>
Thuế suất	25%	25%
Thuế TNDN được miễn giảm	-	243.820.572
Điều chỉnh tăng thuế TNDN theo Biên bản kiểm toán nhà nước	29.938.066	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.356.709.048</b>	<b>568.914.668</b>


 Công ty TNHH Cấp Thoát Nước Bắc Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	51.480.498.835	47.199.621.311
Chi phí nhân công	22.063.070.928	20.228.409.132
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.698.011.924	7.115.990.429
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.809.958.804	15.412.121.245
Chi phí khác bằng tiền	6.205.064.267	-
<b>Cộng</b>	<b>106.256.604.758</b>	<b>89.956.142.117</b>

VII. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Kreston ACA Việt Nam.



Vũ Hữu Tân  
Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2014

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

U 6 -01- 2017

SỐ CHỨNG THỰC 55 QUYỀN SỐ 01 SCT/BS

Nguyễn Đình Tôn  
Kế toán trưởng



UBND PHƯỜNG THỊ CẦU  
CHỦ TỊCH  
NGUYỄN VĂN ĐÌNH